TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2017/HN-ST
Ngày: 22-9-2017
”V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Thành
2. Bà Mai Thị Nhặc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2017/TLST – HN, ngày 18/7/2017, về: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2017/QĐXX – ST, ngày 30/8/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị B, sinh năm: 1970; Địa chỉ cư trú: ấp M, xã N, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Lê Thanh H, sinh năm: 1972; Hộ khẩu thường trú: ấp P, xã A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre; Chỗ ở hiện nay: ấp M, xã N, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Chị B có mặt. Anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 18/7/2017, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị B trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị và anh Lê Thanh H tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn vào ngày 02/4/2007. Trong quá trình sống chung vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Anh H đi làm có tiền không lo cho chị suốt 10 năm sống chung, còn ghen tuông không có căn cứ, mỗi lần uống rượu về kiếm cớ chửi chị. Thời gian gần đây hai bên cự cãi, dẫn đến xô sát, anh H đánh chị. Vợ

chồng tuy sống chung nhà nhưng không còn mối quan hệ vợ chồng đã 02 năm nay. Nay không thể tiếp tục chịu đựng được nữa nên xin ly hôn.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không có.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

Tại bản khai và trong quá trình hòa giải, bị đơn anh Lê Thanh H trình bày:

1. Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị B vì anh còn tình cảm với chị. Trong quá trình sống chung, do chị B đi chơi, uống rượu với bạn (gái) suốt ngày đêm không về nên vợ chồng có cự cãi, lời qua tiếng lại, chị B làm đơn xin ly hôn.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không có.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng về thẩm quyền thụ lý vụ án; ra thông báo thụ lý vụ án và gửi cho Viện kiểm sát đúng quy định; quá trình thu thập chứng cứ đúng quy định; kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải đúng quy định; thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định; thủ tục cấp, tống đạt văn bản tố tụng đúng quy định; nội dung quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Riêng bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không lý do, Tòa quyết định xét xử vắng mặt là đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B; con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không có, không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu của chị Võ Thị B, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn"; trong đó xác định chị Võ Thị B là nguyên đơn, anh Lê Thanh H là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do, không có đơn xin vắng, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật dân sự xét xử vắng mặt anh H là đúng quy định.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị B, thấy rằng: Quá trình sống chung giữa chị B và anh H phát sinh mâu thuẫn là có thật. Tuy có thời gian dài sống chung nhưng anh chị không có con chung, không có tài sản chung nên tình cảm vợ chồng không có nhiều điểm gắn kết, phát sinh nhiều mâu thuẫn, thời gian gần đây vợ chồng tranh cãi ngày càng nhiều nhưng không có hướng giải quyết. Chị B cho rằng tuy vợ chồng sống chung nhà nhưng mỗi người làm kinh tế riêng; anh H không đưa tiền cho chị chi tiêu trong gia đình nên thời gian gần đây vợ chồng tự nấu ăn riêng; anh H còn ghen tuông vô cớ, thường xuyên uống rượu về kiếm cớ gây chuyện, đánh chị; đã hai năm nay không còn quan hệ vợ chồng mặc dù sống chung nhà.

Để làm rõ mâu thuẫn giữa chị B và anh H, Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn và lấy lời khai của đại diện Tổ nhân dân tự quản nơi chị B, anh H sinh sống cũng như những người thân thích, hàng xóm của chị B, anh H cho thấy: Có phát sinh mâu thuẫn giữa chị B và anh H; có nghe chị B và anh H tranh cãi nhau, thời gian gần đây tranh cãi ngày càng nhiều, tuy không nghe rõ nội dung nhưng nguyên nhân được xác định là do anh H uống rượu, chị B đi chơi với bạn gái nhiều nên anh H nghi ngờ, ghen tuông dẫn đến cãi vả, xô sát nhau.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau... Tuy nhiên xét thấy mục đích hôn nhân giữa chị B, anh H không đạt được, từng xảy ra cự cãi, xô sát. Anh H mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp hàn gắn. Tòa án đã tạo cơ hội cho chị B và anh H hòa giải nhiều lần nhưng anh H không đến, điều đó chứng minh anh H không có thiện chí hòa giải đoàn tụ với chị B. Hai lần Tòa án triệu tập xét xử, anh H cũng không đến tham dự. Tại phiên tòa, chị B vẫn giữ quan điểm xin ly hôn với anh H. Xét mâu thuẫn là có thật và đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B với anh H là phù hợp.

2. Về con chung: Không có, không xem xét.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Cả hai trình bày không có, không xem xét.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Cả hai trình bày không có, không giải quyết.

Các bên không còn yêu cầu nào khác nên không xem xét, giải quyết.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị B.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Võ Thị B được ly hôn với anh Lê Thanh H.

2. Về con chung: Không có, không xem xét.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Cả hai trình bày không có, không xem xét.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Cả hai trình bày không có, không giải quyết.

5. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (đối với yêu cầu ly hôn): 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), chị Võ Thị B phải chịu. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007993, ngày 18/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS h. Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Thúy Hằng